

Trên báo chí trong nước, thỉnh thoảng có một số người còn nhử tâm huyết lên tiếng báo động về tình trạng khủng hoảng của tiếng Việt.



Bằng chứng họ nêu lên thường là những cách viết tắt, chữ tình sai chính tả hoặc pha nhử tiếng nước ngoài của giới trẻ trên facebook hay các blog.

Những dòng họ chĩa ai thấy điều này: số khủng hoảng trong tiếng Việt chủ yếu nằm trong lãnh vực chính trị và xuất phát từ giới cầm quyền. Nó nằm ngay trong các nghị quyết của đảng, các bài diễn văn của giới lãnh đạo và, cụ thể nhất, trên trang báo Nhân Dân hay Tạp chí Công sản, rồi từ đó, lan đi khắp nơi, trên các cơ quan truyền thông cũng như miệng của các cán bộ và đảng viên các cấp.

Không phải người ta không thấy những số khủng hoảng này. Thấy nên phẫn nộ. Có ba loại phẫn nộ chính.

Thỉnh thoảng, không tin những gì chính quyền nói. Một trong những câu nói điển hình như của nhà nghiên cứu về chữ ông Nguyễn Văn Thiệu, nguyên Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, là: “Đừng nghe những gì công sản nói”.

Xin lưu ý: câu nói này chỉ thực sự gây tiếng vang và được phổ biến rộng rãi chỉ sau năm 1975, lúc ông Thiệu đã trở thành con người của quá khứ.

Thứ hai, chính những người công sự, ngay cả công sự cao cấp, cũng thấy thẹn thùng khi sử dụng lỗi ngôn ngữ họ sáng chế và tung ra sự áp đặt lên xã hội.

Có thể nêu lên hai ví dụ. Một là với chữ “đồng chí”. Trước, đó là cách xưng hô chính thức và phổ biến. Sau, nó chỉ hiện hữu trong các cuộc họp. Nói chuyện với nhau, họ như không ai gọi nhau là “đồng chí” nữa. Nghe chữ “đồng chí” là sợ: nó báo hiệu một màn đấu đá hoặc một tai họa (1). Ngay ở Trung Quốc, chính quyền cũng khuyên dân chúng hạn chế dùng chữ “đồng chí” trên các phương tiện giao thông công cộng (2). Hai là chữ “công sự”.

Với nhiều người, kể cả đồng viên, công nghệ người khác gọi mình là “công sự”, họ có cảm giác như nghe một lời chỉ trích. Chẳng có chút tự hào trong đó cả. Như, đã khá lâu, trong một cuộc họp ở Úc, một người là đồng viên khá cao cấp, hiện đang làm việc trong ngành truyền thông ở Việt Nam, nhắc đến cuốn Văn học Việt Nam dưới chế độ công sự (1991 & 1996) của tôi, rồi hỏi: “Sao anh không đặt nhan đề là ‘Văn học dưới chế độ xã hội chế nghĩa’ nhỉ?”

Tôi ngạc nhiên hỏi lại: “Thì có khác gì nhau không?” Anh ấy đáp: “Khác chứ. Chữ ‘xã hội chế nghĩa’ nghe thanh lịch hơn; còn chữ ‘chế độ công sự’ nghe ghê quá, công nghệ một lời kết án.” Tôi hỏi lại: “Anh là đồng viên mà cũng có tên tiếng Việt sao?” Anh ấy đáp, thốt thà: “Đó là tên tiếng chung của toàn xã hội mà. Tên đồng thì không ai dám đặt, nhưng trong đời sống hàng ngày, nghe một chữ này, mình cũng thấy ngại ngùi.”

Thứ ba, phần ngôn ngữ sử dụng trong ngôn ngữ của chính quyền dưới hình thức ngôn ngữ (anti-language) qua những cách nói hoàn toàn bất chấp nguyên tắc ngữ nghĩa cũng như ngữ pháp thông thường.

Hiện tượng ngôn ngữ, văn xuôi hiện đại và phổ biến ở Việt Nam, được biết là ở miền Bắc, trong vài thập niên trở lại đây, có nhiều hình thức khác nhau.

Nh&, l&n đ&u tiên tôi v& Việt Nam là vào cu&i năm 1996. L&n &y, tôi & Việt Nam đ&n b&n tu&n.

M&t trong nh&ng &n t&ng sâu đ&m nh&t còn l&i trong tôi là nh&ng thay đ&i trong ti&ng Việt. Có nhi&u t& m&i và nhi&u cách nói m&i tôi ch& m&i nghe l&n đ&u.

Ví d&, trà Lipton đ&c g&i là “trà gi&t gi&t”; cái robinet lo&i m&i, có c&n nh&c lên nh&c xu&ng (thay vì v&n theo chi&u kim đ&ng h&) trong b&n r&a m&t đ&c g&i là “cái gi&t g&”; ăn c&m v&a h& đ&c g&i là “c&m b&i”; khuôn m&t tr&m ng&m đ&c mô t& là “r&t tâm tr&ng”; hoàn c&nh khó khăn đ&c xem là “r&t hoàn c&nh”; th&t beefsteak đ&c g&i là “bò né”. Sau này, đ&c báo trong n&ng, tôi g&p vô s& các t& m&i khác, nh&: “đ&i gia”, “thi&u gia” (3), “chân dài”, “ch&nh” (kênh ki&u) (4), “bèo” (r& m&t), “kh&ng” (l&n); “tám” (tán g&u); “buôn đ&a lê” (lê la, nhi&u chuy&n), “chém gió” (tán chuy&n), “gà tóc nâu” (b&n gái), “xe ôm” (b&n trai), “máu khô” (ti&n b&c), “con ngh&o” (xe máy), v.v.

Trong các t& m&i &y, có t& hay có t& đ&, tuy nhiên, t&t c& đ&u bình th&ng. Ngôn ngữ lúc nào cũng g&n li&n v&i cu&c s&ng. Cu&c s&ng thay đ&i, ngôn ngữ thay đ&i theo. Nh&ng s&n ph&m m&i, hi&n t&ng m&i và tâm th&c m&i đ&n đ&n s& ra đ&i c&a các t& m&i. & đâu cũng v&y.

T&t c& các t& đ&n l&n trên th& gi&i đ&u có thói quen c&p nh&t các t& m&i hàng năm. Có năm s& t& m&i &y lên đ&n c& hàng ngàn. Việt Nam không ph&i và không th& là m&t ngo&i l&. Đ&i đ&n v&i nh&ng t& m&i &y, có hai đ&u nên tránh: m&t, xem đó là nh&ng t& ng& ng&n r&i ph& nh&n tu&t lu&t; và hai, xem đó là t&...Việt C&ng và tìm cách ch&i b& chúng.

Tuy nhiên, đ&u tôi chú ý nh&t không ph&i là s& xu&t hi&n c&a các t& m&i hay các ti&ng lóng m&i &y. Mà là nh&ng cách nói m&i, r&t l& tai, th&m chí, quái g&, ph& bi&n kh&p n&i, ngay c& trong gi&i trí th&c và văn ngh& sĩ ti&ng t&m, đ&c bi&t & Hà N&i. Có th& tóm g&n các cách nói m&i &y vào b&n đ& m.

Th& nh&t, hi&n t&ng dùng nguyên c& m&t c&m t& ho&c m&t t& ghép ho&c m&t tên riêng c&a m&t ng&&i, m&t đ&a ph&ng ho&c m&t n&c đ& ch& l&y ra m&t t& t& trong đó. Ví d&, thay vì nói “lâu”, ng&&i ta nói “Hà Văn Lâu” (hay “H&ng Lâu M&ng”); thay vì nói “đông” (đúc), ng&&i ta nói “Hà Đông”; thay vì nói “xa”, ng&&i ta nói “Natasha” (ch& l&y âm cu&i, “Sha”, phát âm theo gi&ng mi&n B&c là “xa”); thay vì nói “xinh” (x&n), ng&&i ta nói “nhà v& sinh” (âm /s/ b& bi&n thành /x/); thay vì nói “ti&n”, ng&&i ta nói “đê ti&n”; thay vì nói “c&n” (ly), ng&&i ta nói “B&c C&n”; thay vì nói “can”

(ngăn), ng i ta nói “L ng Văn Can”; và thay vì nói “chia” (ti n), ng i ta nói “Campuchia”.  
Cu i cùng, ng i ta có m t m u đ i tho i l ùng nh sau:

“Đi gì mà Hà Văn Lâu th ?”  
“ , t i đ ng Hà Đông quá!”  
“T đ y đ n đây có Natasa không?”  
“Không. À, mà hôm nay em trông h i nhà v sinh đ y nhé!”  
“Khéo n nh! Tí n a, đi v , có đê ti n, mua giùm em t báo nhé!”  
“ , mà thôi, bây gi nh u đi!”  
“ , B c C n đi, các b n i!”  
“Thôi, t i L ng Văn Can đ y!”  
“Này, h t bao nhiêu đ y, đ còn Campuchia?”

Th hai, hi n t ng dùng ch “vô t ”.

Lúc Hà N i, m t trong nh ng t t i nghe nhi u nh t là t “vô t ”. Nó đ c dùng m t cách l m phát. Cái gì cũng “vô t ”. B n bè, g m toàn các giáo s và nhà văn n i ti ng Hà N i, r t i vào quán th t c y. Th y t i thoáng chút ng n ng i, h li n nói: “C vô t đi mà! Th t c y đ y ngon l m!” Sau khi u ng vài ly r u, c m th y h i ch nh choáng, t i xin phép ng ng, h i i nói: “Không sao đâu, c vô t u ng thêm vài ly n a cho vui. R u này ngâm thu c, b l m!” Cu i ti c, t i giành tr ti n, h i i nói: “Không, b n t i đ i, anh c vô t đi!” C th , trong su t b a ti c hai ba ti ng đ ng h , t i nghe không đ i vài ch c l n t “vô t ”. Ch “vô t ” y ph bi n đ n đ i t c vào trong th Nguyễn Duy:

Mình vô t v i ta đi  
Vô t nhau ch c n chi nhi u l i  
Vô t th ch p đ i ng i  
Tr ng tay còn chút coi tr i b ng vung  
Lu t ch i c m k n a ch ng  
Vô t đ t c t n cùng chi u mạnh  
Li n em vô t li n anh  
Không ngâ không đ i không đành ph i không.

Th ba, hi n t ng dùng các ph t “h i b ”.

## Hiệu năng phon-ngôn ngữ Việt Nam

T&#225;c Gi&#7843;: Nguyễn Hoàng Quốc  
Th&#7913; Ba, 18 Th&#225;ng 9 N&#259;m 2012 10:03

---

Bình thường, trong tiếng Việt, “b”, đ i l p v i “đ c”, ch nh ng gì có ý nghĩa tiêu c c và ngoài ý m n. B t c ng i Việt Nam nào cũng bi t s khác bi t gi a hai cách nói “Tôi đ c th ng” và “Tôi b ph t”. V y mà, Việt Nam, ít nh t t gi a th p niên 1990 đ n nay, ở đ u, ng i ta cũng nghe ki u nói “Cô y h i b h p đ n”, “Ông y h i b gi i”, “chi c xe y h i b sang”, “nhà y h i b giàu”, hay “b c tranh y h i b đ p”, v.v.

Cu i cùng là hi n t ng các thành ng m i đã đ c Thành Phong s u t p và minh h a trong cu n Sát th đ u m ng m (sau đó b t ch thu, năm 2011), bao g m nh ng câu ki u:

ăn ch i s gì m a r i  
bu n nh con chu n chu n  
chán nh con gián  
ch nh nh con cá c nh  
chuy n nh nh con th  
b c nh con m c  
c c nh con chó m c  
đau kh nh con h  
đen nh con mèo hen  
đói nh con chó sói  
đ n gi n nh đ n r  
đ t nh con t t  
đu i nh trái chu i  
ghét nh con b chết  
già nh qu cà  
h n nhiên nh cô tiên  
im nh con chim  
l nh lũng con th ch sùng  
ng t ngây con gà tây  
ng c nh con c  
phê nh con tê tê  
sành đ i u c ki u  
tê tái con gà mái  
thô b nh con kh  
t nhiên nh cô tiên  
tinh vi s ti con l n  
xinh nh con tinh tinh

T t c nh ng hi n t ng trên đ u có m t s đ c đ i m chung. Th nh t, có l chúng xu t phát t Hà N i, sau đó, lan truy n ra c n c, k c Sài Gòn.

Th hai, chúng ph bi n không ph i ch trong gi i tr mà còn c trong gi i trí th c l n tu i, k c gi i h c gi , giáo s đ i h c và văn ngh sĩ n i t ng.

Th ba, t t c nh ng cách nói y đ u ng c ng o, th m chí, vô nghĩa. Ch có ai có th gi i thích đ c nh ng ki u nói nh “bu n nh con chu n chu n” hay “chán nh con gián” hay “im nh con chim”, “xinh nh con tinh tinh”... tr m t đ i u duy nh t: chúng có v n về v i nhau. V y thôi.

Trong l ch s ti ng Vi t, th nh tho ng l i xu t hi n nh ng hi n t ng m i, đ c bi t trong kh u ng , nhi u nh t là trong ti ng lóng. Tuy nhiên, có l ch a bao gi l i có nh ng hi n t ng nói năng ng c ng o và vô nghĩa nh hi n nay.

mi n Nam tr c năm 1975, ng i ta làm quen v i nh ng ki u nói nh “lính mà em”, “ti n lính tính li n”, “s c m y mà bu n”, “b đ i Tám”, “OK Salem”, “mút mùa L Th y”, “th m nh mút mít”, “b t bò l c”, “m t câu xanh r n”, v.v. V i h u h t nh ng ki u nói nh th , ng i ta có th hi u đ c. Còn bây gi ? Không ai có th gi i thích đ c. Chúng ng c ng o đ n m c quá đ n. Và chúng vô nghĩa đ n m c phi lý.

V y t i sao chúng l i ra đ i, h n n a, ph bi n r ng rãi trong xã h i, ngay trong gi i có h c thu c lo i cao nh t n c?

Dĩ nhiên không ph i vì ng i ta không bi t. Bi t, ch c ch n là bi t; nh ng ng i ta v n ch n nh ng cách nói y. Đó là m t ch n l a có ý th c ch không ph i m t thói quen vô tình. S ch n l a y ch có th đ c gi i thích b ng m t cách: ng i ta mu n nói khác. Khác v i cái gì? V i nh ng quy c ngôn ng đang th ng tr trong xã h i và th i đ i c a h . Khi nh ng cái khác y đ c th c hi n m t cách b t ch p lu n lý và quy lu t, chúng tr thành m t thách th c, m t s ch i b , hay đúng h n, m t s ph n kháng.

Bình th ng, không ai ph n kháng ngôn ng . B i ai cũng ph i s đ ng ngôn ng . Ng i ta ch ph n kháng tính ch t gi đ i, khuôn sáo, cũ k , ch t ch i trong ngôn ng ho c đ ng sau ngôn ng : văn hóa, chính tr và xã h i. B i v y, tôi m i xem nh ng cách nói ng c ng o ph bi n t i Vi t Nam hi n nay nh m t th ph n-ngôn ng : nó là m t ph n c a th đ i-văn hóa

(counter-culture), xu hướng phát triển ngôn ngữ mới nhằm thoát khỏi, thậm chí, chống lại những giá trị, những quy phạm và những chuẩn mực mà ngôn ngữ của ta không còn tin tưởng và cũng không muốn chấp nhận nữa.

Nói cách khác, nếu vì các dòng ngôn ngữ trong bộ máy truyền thông của ngôn ngữ và nhà ngôn ngữ Việt Nam mang tính chính trị thì hiệu năng của ngôn ngữ đang bị biến đổi ở Việt Nam hiện nay cũng có tính chính trị. Thậm chí trên diễn đàn áp chế, đặc tài và giới diễn; thậm chí trên diễn đàn là một số phản kháng lại thậm chí trên những diễn đàn trên một thời gian gần đây vô cùng tuyệt vọng.

\*\*\*

*Chú thích:*

1. Có thể thấy điều này qua một ví dụ khá tiêu biểu: Bài thơ “Cho một nhà văn trẻ mới xuất hiện” của nhà văn Nguyễn Hoàng Quốc và Trần Mạnh Hào (1982) bị phê phán kịch liệt.

Ở Võ Văn Kiệt, lúc này là Bí thư thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, cho gọi Trần Mạnh Hào đến gặp. Trần Mạnh Hào rất sợ. Thấy những cảm giác sợ hãi này tiêu tan ngay khi ông nghe câu nói đầu tiên của Võ Văn Kiệt: “Hào à! Đù má... Mà làm cái gì mà đi vậy?” Trần Mạnh Hào giải thích: “Anh phải hiểu tính cách ngôn ngữ ở Nam Bộ là thế. Sống với nhau trong quan hệ hay lúc sinh hoạt thì ngôn ngữ hay dùng câu ĐM kèm theo. Thân tình mới có câu ĐM. Còn đã gọi nhau bằng ngôn ngữ chỉ là ‘có chuyện’. Nghe được câu nói của anh Sáu (Võ Văn Kiệt) là có kèm ĐM, tôi biết ngay là ‘thoát’.” Chuyện này được thuật lại trong bài “Much Ado About Nothing” của Phạm Xuân Nguyên trên Talawas.

2. <http://www.reuters.com/article/2010/05/31/us-china-comrade-idUSTRE64U0WP20100531>

□□□

3. Cả hai từ “đi gia” và “thị u gia” đều là những từ cũ, ngày xưa; bây giờ đều có dùng lại.

□□□

4. Giờ đây, cụm “chính” còn được nói dưới hình thức tiếng Anh bởi là “lemon question” (chanh + hỏi); cũng như cụm “vô tư” còn được nói là “no four” (không = vô + bốn = tư). Giờ đây như trước năm 1975, người ta thường nói “no star where” – không sao đâu.

□